

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 1 QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 11/2022/HS-ST
Ngày 05 – 11 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 1 QUÂN KHU 5

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Võ Hồng Ánh Vân.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Nay Lan;

2// Hà Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: 1// Võ Minh Tuấn, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5 tham gia phiên tòa: 1// Nguyễn Quốc Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường Trại tạm giam Quân đoàn AC xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLST-HS ngày 23/9/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 22/10/2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc N, tên gọi khác: Nguyễn Quốc M; sinh ngày 06/10/1987 tại tỉnh Kon Tum; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1949; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: chưa bị kết án, xử lý vi phạm hành chính; bị cáo tạm giữ ngày 30/5/2022, tạm giam từ ngày 02/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Quân đoàn AC; có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH MTV C, Binh đoàn XV Bộ Quốc phòng (Công ty C): ông Phạm Văn C - Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền tham gia phiên tòa; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Quốc H; có mặt.

- Ông Phan Văn H; có mặt.

- Bà Lê Thị T; có mặt;

- Ông Nguyễn Văn T; có mặt;

- Ông Nguyễn Quốc N1; có mặt;

- Ông Trần Văn Đ; có mặt;

- Ông Tăng Văn Đ; có mặt;
- Ông Hồ Thanh Q; có mặt.
- Ông Trần Lê T; có mặt.
- Ông Nguyễn Quốc G; có mặt.
- Ông Dương Văn D; vắng mặt.
- Ông Trịnh Xuân G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 01/2010, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Quốc G, Châu Văn S trú tại xã A; Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn N trú tại thị trấn P; Trần Văn T trú tại xã Đ đều thuộc huyện B, tỉnh Kon Tum, đã nhiều lần lén lút đột nhập vào các đội thuộc Công ty C trộm cắp mũ cao su đông tạp đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 03 giờ 30 phút ngày 25/8/2009, Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc N, Châu Văn S lén lút vào Đội 1, Công ty C thấy có 03 phi đựng mũ cao su để ở ngoài nhà kho chứa mũ cao su. Cả nhóm cạy, phá 03 nắp thùng phi lấy mũ cao su đông tạp bỏ vào được 04 bao. Sau đó, V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc N, Châu Văn S chở 04 bao mũ cao su ra đại lý V-K ở thị trấn P, huyện B, tỉnh Kon Tum bán, chia tiền mỗi người được 400.000 đồng. Theo báo cáo của Đội 1, số mũ cao su bị mất trộm có trọng lượng là 255kg, trị giá 5.355.000 đồng.

Lần thứ hai: khoảng 02 giờ 00 phút ngày 28/9/2009, Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Chí T, Nguyễn Quốc G, Nguyễn Văn N lén lút vào nhà kho chứa mũ cao su của Đội 8, Công ty C cạy, phá khóa cửa nhà kho, đột nhập vào lấy trộm 08 bao mũ cao su đông tạp. Trong lúc cả nhóm đang vác những bao mũ rời đi thì anh Tăng Văn Đ, Đội phó nghe tiếng động nên tỉnh dậy, kiểm tra thấy khóa nhà kho bị phá nên gọi bảo vệ cùng đuổi theo, tất cả bỏ chạy để lại 08 bao mũ vừa trộm. Đội 8 đã thu hồi lại được số lượng mũ trên, có tổng trọng lượng là 500kg, trị giá 10.500.000 đồng.

Lần thứ ba: khoảng 23 giờ 00 phút ngày 28/9/2009, Phạm Năng V rủ Nguyễn Văn T vào nhà kho Đội 7, Công ty C lấy trộm mũ cao su, Nguyễn Văn T đồng ý và gọi điện rủ Nguyễn Chí T cùng tham gia, Nguyễn Chí T đồng ý. Khoảng 24 giờ cùng ngày, Nguyễn Chí T điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Văn T thì gặp Phạm Năng V, Nguyễn Văn T. Nguyễn Văn T lấy xe mô tô của Phạm Năng V chở Phạm Năng V, khi đi Phạm Năng V cầm theo một số vỏ bao tải. Cả ba đến tiệm sửa xe của Nguyễn Quốc G tại Thôn 3, thị trấn P thì thấy Nguyễn Quốc G, Nguyễn Quốc N, Trần Văn T, Nguyễn Văn N đang ngồi chơi. Phạm Năng V rủ Nguyễn Quốc G, Nguyễn Quốc N, Trần Văn T, Nguyễn Văn N cùng đi trộm mũ cao su tại Đội 7, tất cả đều đồng ý. Trước khi đi, Nguyễn Văn T cầm theo 01 kim bấm, 01 đoạn dây kẽm tại tiệm sửa xe của Nguyễn Quốc G.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/9/2009, Nguyễn Văn T lấy xe mô tô chở Phạm Năng V, còn Nguyễn Quốc G, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Văn N, Trần Văn T mỗi người điều khiển một xe đi về hướng nhà kho chứa mủ cao su của Đội 7, khi cách nhà kho khoảng 200m thì tất cả dừng xe. Phạm Năng V và Nguyễn Văn T đi bộ vào quan sát trước, thấy bảo vệ còn thức nên ra nói cả nhóm là không lấy được. Cả nhóm tiếp tục bàn bạc và thống nhất đi vào nhà kho chứa mủ cao su của Đội 6, Công ty C để lấy trộm mủ cao su. Khi đến cách nhà kho chứa mủ cao su Đội 6 khoảng 500m thì tất cả dừng xe, Phạm Năng V phân công cho Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn N ở lại trông xe, còn Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Quốc G đi bộ đến nhà kho. Quan sát thấy bảo vệ đã ngủ, Phạm Năng V dùng dây kẽm buộc cửa phòng bảo vệ từ phía ngoài, còn Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Quốc G đến trước cửa nhà kho chứa mủ, Trần Văn T dùng tay kéo thẳng dây xích làm bằng sắt đang khóa cửa nhà kho, Nguyễn Văn T dùng kim bấm cắt đứt dây xích khóa mở cửa nhà kho. Phạm Năng V đi vào nhà kho lấy những cục mủ cao su đông tụ đưa ra ngoài để cho Trần Văn T, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Quốc G bỏ vào bao, Nguyễn Văn T dùng dây buộc miệng bao lại. Sau khi lấy 06 bao mủ cao su đông tụ, cả nhóm đưa ra vị trí cách nhà kho Đội 6 khoảng 40m tập trung một chỗ, Phạm Năng V đứng lại trông các bao mủ cao su, còn Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Quốc G đi ra chỗ Thanh, Nguyễn Văn N lấy xe chở 06 bao mủ đến đại lý V-K tại thị trấn P bán, lúc này khoảng 03 giờ 00 phút ngày 29/9/2009. Phạm Năng V trực tiếp lấy tiền ở đại lý, rồi tất cả về tiệm sửa xe của Nguyễn Quốc G chia tiền, mỗi người chia được 200.000 đồng. Theo báo cáo của Đội 6, Công ty C số lượng mủ cao su đông tụ bị mất trộm là 195kg, trị giá 4.095.000 đồng.

Lần thứ tư: khoảng 02 giờ 00 phút ngày 17/01/2010, Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Châu Văn S, Nguyễn Quốc N lén lút đến nhà kho chứa mủ cao su của Đội 4 cạy, phá khóa đột nhập vào lấy trộm được 05 bao mủ cao su đông tụ. Khi đang mang các bao mủ ra ngoài nhà kho thì bị bảo vệ phát hiện nên cả nhóm bỏ lại tất cả mủ cao su vừa trộm cắp. Đội 4 đã thu hồi lại được 05 bao mủ cao su có trọng lượng 200kg, trị giá 4.400.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Quốc N đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 29/5/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Kon Tum bắt theo Quyết định truy nã.

Các biên bản báo cáo sự việc mất mủ cao su đông tụ được lập tại các đội của Công ty C: Biên bản ngày 25/8/2009 của Đội 1 lượng mủ cao su bị kẻ gian trộm cắp là 255 kg. Biên bản ngày 28/9/2009 của Đội 8 lượng mủ cao su bị kẻ gian trộm cắp là 500 kg. Biên bản ngày 29/9/2009 của Đội 6 lượng mủ cao su bị kẻ gian trộm cắp là 195 kg. Biên bản ngày 17/01/2010 của Đội 4 lượng mủ cao su bị kẻ gian trộm cắp là 200 kg.

Các biên bản định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Kon Tum thể hiện như sau:

Biên bản số 30/BBĐG ngày 26/8/2010 xác định 195 kg mủ cao su đông tụ thời điểm tháng 9/2009, trị giá là 4.095.000 đồng.

Biên bản số 43/BBĐG ngày 14/12/2010 xác định 255 kg mủ cao su đông tụ thời điểm tháng 8/2009, trị giá là 5.355.000 đồng.

Biên bản số 46/BBĐG ngày 14/12/2010 xác định 500 kg mủ cao su đông tụ thời điểm tháng 9/2009, trị giá là 10.500.000 đồng.

Biên bản số 44/BBĐG ngày 14/12/2010 xác định 200 kg mủ cao su đông tụ thời điểm tháng 01/2010, trị giá là 4.400.000 đồng.

Hậu quả Công ty C bị thiệt hại tổng cộng 1.150 kg mủ cao su đông tụ, có trị giá là 24.350.000 đồng, nhưng đã thu hồi được 700 kg, bị mất 450 kg, gây thiệt hại với số tiền 9.450.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc N thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai: vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 01/2010 bị cáo đã 04 lần cùng với Nguyễn Văn T, Phạm Năng V, Trần Văn T, Châu Văn S, Nguyễn Chí T, Nguyễn Quốc G, Nguyễn Văn N lén lút đột nhập các Đội 1, Đội 4, Đội 6, Đội 8 thuộc Công ty C trộm mủ cao su đông tụ đem bán. Lần thứ nhất: khoảng 03 giờ 30 phút ngày 25/8/2009, bị cáo cùng với Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Châu Văn S vào Đội 1 trộm 255 kg mủ cao su đông tụ đem bán chia mỗi người được 400.000 đồng. Lần thứ hai: lúc 02 giờ 00 phút ngày 28/9/2009, bị cáo cùng với Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc G, Trần Văn T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn N vào Đội 8 lấy được 08 bao mủ cao su đông tụ, trọng lượng 500 kg, đang vận chuyển thì bị bảo vệ phát hiện nên bỏ lại chạy trốn. Lần thứ ba: lúc 00 giờ 30 phút ngày 29/9/2009, bị cáo cùng với Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Quốc G, Trần Văn T, Nguyễn Văn N vào Đội 6 lấy 06 bao cao su đông tụ, trọng lượng 195 kg chở đem bán và chia mỗi người được 200.000 đồng. Lần thứ tư: lúc 02 giờ 00 phút ngày 17/01/2010, bị cáo cùng với Nguyễn Văn T, Phạm Năng V, Trần Văn T, Châu Văn S vào Đội 4 lấy trộm 05 bao mủ cao su đông tụ, trọng lượng 200 kg. Khi đang vận chuyển đi thì bị bảo vệ phát hiện nên bỏ lại chạy trốn. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp vì sợ bị bắt nên bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 29/5/2022, bị cáo bị Công an huyện B, tỉnh Kon Tum bắt tại xã F, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh theo lệnh truy nã. Xe mô tô bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm mủ cao su có giấy đăng ký xe nhưng bị cáo không đứng tên chủ sở hữu, khi bỏ trốn bị cáo bán cho một người không quen biết tại cửa khẩu Y. Đối với xe mô tô của anh Nguyễn Quốc G, bị cáo không sử dụng, không biết ở đâu.

Người làm chứng Nguyễn Văn T khai: khoảng thời gian tháng 8/2009 đến tháng 01/2010, tôi cùng với Nguyễn Quốc N, Phạm Năng V, Nguyễn Quốc G, Nguyễn Văn N, Trần Văn T, Nguyễn Chí T, Châu Văn S, Nguyễn Đức H có thực hiện hành vi trộm cắp mủ cao su nhiều lần tại các đội của Công ty C. Riêng bị cáo Nguyễn Quốc N tham gia cùng tôi 04 lần ở các Đội 1, Đội 8, Đội 6, Đội 4. Ngày 19/9/2009 tại Đội 4, bị cáo Nguyễn Quốc N không tham gia, chỉ có tôi và Phạm Năng V, Châu Văn S, Trần Văn T, H trộm 100kg mủ cao su đông tụ và bán chia

mỗi người 300.000 đồng.

Người làm chứng Nguyễn Quốc G khai: Tôi là anh trai của Nguyễn Quốc N, tôi và Nguyễn Quốc N có thực hiện trộm mũ cao su đông tạp tại Đội 8 và Đội 6 của Công ty C trong ngày 28/9/2009 và 29/9/2009 như Cáo trạng của Viện kiểm sát xác định. Các lần lấy trộm mũ tôi và Nguyễn Quốc N sử dụng xe mô tô cá nhân để vận chuyển mũ và đem bán. Sau khi bị cơ quan chức năng phát hiện và triệu tập, tôi bỏ trốn và đem xe mô tô của mình bán cho một người không quen biết ở huyện L, Nguyễn Quốc N không sử dụng xe của tôi. Ngày 15/9/2011, tôi bị Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5 xét xử và tuyên phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Người làm chứng Nguyễn Quốc N1, Trần Văn Đ cho biết: Chúng tôi là bảo vệ Đội 6, vào tối ngày 28/9/2009 trời mưa to, khoảng 23 giờ cả hai đi kiểm tra kho thấy cửa nhà kho còn khóa nhưng đến 02 giờ sáng ngày 29/9/2009 lúc kiểm tra thấy cửa nhà kho bị cắt khóa, phát hiện mũ cao su trong kho bị kẻ gian lấy trộm. Chúng tôi đã báo cáo Ban Chỉ huy Đội, qua kiểm tra lượng mũ cao su đông tạp trong kho bị mất là 195kg.

Lời khai của những người làm chứng Trần Lê T, Tăng Văn Đ, Phan Văn H, Lê Thị T, Hồ Thanh Q, Nguyễn Quốc H đều phù hợp với diễn biến vụ án.

Đại diện bị hại - Phạm Văn C trình bày: theo báo cáo số mũ bị mất vào ngày 25/8/2009 tại Đội 1; 28/9/2009 tại Đội 8; 29/9/2009 tại Đội 6; 17/01/2010 tại Đội 4 mà bị cáo Nguyễn Quốc N và các đối tượng đã bị xét xử gây ra thiệt hại cho Công ty C là 1.150 kg mũ cao su đông tạp, trị giá là 24.350.000 đồng. Công ty đã thu hồi được 700 kg, bị mất 450 kg trị giá 9.450.000 đồng. Số tiền này đã được giải quyết bồi thường xong nên không yêu cầu gì, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Quốc N.

Cáo trạng số 08/CT-VKSQSKV52, ngày 22/9/2022 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5, truy tố Nguyễn Quốc N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; hậu quả của vụ án; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS); nhân thân bị cáo. Đồng thời Kiểm sát viên khẳng định căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc N, người làm chứng Nguyễn Văn T tại phiên tòa xác định bị cáo Nguyễn Quốc N chỉ thực hiện hành vi trộm cắp tại Đội 4 ngày 17/01/2010 và Bản án số 07/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5 đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Quốc N không thực hiện hành vi trộm cắp tại Đội 4, ngày 19/9/2009. Đề nghị HĐXX:

Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 BLHS năm 2015 tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quốc N từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù được

tính từ ngày bị cáo tạm giữ, ngày 30/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại bản án số 07/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5 nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: các vật chứng của vụ án đã được giải quyết tại bản án số 07/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5. Riêng 02 xe mô tô của Nguyễn Quốc G và bị cáo Nguyễn Quốc N sử dụng làm phương tiện phạm tội, có giấy đăng ký xe nhưng Nguyễn Quốc G và Nguyễn Quốc N không đứng tên chủ sở hữu. Khi bỏ trốn, Nguyễn Quốc G và Nguyễn Quốc N đã bán xe mô tô cho người không quen biết. Quá trình điều tra không xác minh thu hồi được nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Bị cáo, đại diện bị hại không có ý kiến tranh luận; đại diện bị hại xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: rất ân hận về hành vi của mình, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực Binh đoàn 15, Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có cơ sở khẳng định hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sau khi thẩm tra lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng. Xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xác định: từ tháng 8/2009 đến tháng 01/2010, vì động cơ vụ lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Quốc N cùng với Phạm Năng V, Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Chí T, Châu Văn S, Nguyễn Quốc G, Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi lén lút, đột nhập vào các nhà kho chứa mũ cao su của Đội 1, Đội 4, Đội 6, Đội 8 thuộc Công ty C chiếm đoạt 1.150 kg mũ cao su đông tạp, có trị giá là 24.350.000 đồng.

Theo Cáo trạng số 01/CT-KSĐT ngày 26/11/2014 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5; Bản án số 01/2015/HSST ngày 21/01/2015 của Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5; lời khai của Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Châu Văn S tại Cơ quan điều tra thể hiện bị cáo Nguyễn Quốc N có tham gia trộm mũ cao su ngày 19/9/2009 tại Đội 4. Tuy nhiên, qua lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc N, Nguyễn Văn T tại phiên tòa hôm nay và những tài liệu, chứng cứ khác, HĐXX không đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Quốc N tham gia trộm cắp mũ cao su vào ngày 19/9/2009 tại Đội 4.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Điều 138 BLHS năm 1999 có khung hình phạt cao hơn Điều 173 BLHS năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH14 đã sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 hướng dẫn áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội, HĐXX kết luận bị cáo Nguyễn Quốc N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Quốc N phạm tội với vai trò là người thực hành tham gia lấy trộm mũ và vận chuyển mũ đi tiêu thụ nên Nguyễn Quốc N phải chịu TNHS tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của mình. HĐXX áp dụng Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015 đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo cùng đồng phạm thực hiện 04 lần hành vi trộm cắp, mỗi lần có trị giá trên 2.000.000 đồng, thỏa mãn tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố là ông Nguyễn Quốc K được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[5] Xét tính chất vụ án và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, lỗi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra giải quyết vụ án. Với vai trò trong vụ án đồng phạm, HĐXX cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời làm bài học giáo dục và phòng ngừa chung.

Hành vi của Nguyễn Văn T, Châu Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Chí T, Nguyễn Quốc G, Phạm Năng V đã bị Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5 xét xử, tại các bản án số 07/2011/HSST ngày 16/5/2011; số 20/2011/HSST ngày 15/9/2011; số 01/2015/HSST ngày 21/01/2015 xử phạt: Nguyễn Văn T 24 tháng tù, Trần Văn T 20 tháng tù, Châu Văn S 16 tháng tù, Nguyễn Quốc G 16 tháng tù, Nguyễn Văn N 12 tháng tù, Nguyễn Chí T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án đã có hiệu lực và đã được thi hành.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về bồi thường thiệt hại: thiệt hại thực tế của Công ty C đã được giải quyết tại Bản án số 07/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án quân sự Khu vực

1 Quân khu 5. Bị cáo Nguyễn Quốc N và các đối tượng Nguyễn Văn T, Châu Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại. Hiện các đối tượng trên đã bồi thường xong, đại diện bị hại không có ý kiến gì. Bị cáo Nguyễn Quốc N bị xét xử sau phải có trách nhiệm hoàn trả cho các đối tượng đã xét xử trước đây đã bồi thường thay. Việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả các bên tự thỏa thuận, nếu có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[8] Về xử lý vật chứng: các vật chứng trong vụ án đã được giải quyết tại bản án số 07/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5.

Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát đối với 02 xe mô tô của bị cáo Nguyễn Quốc N và Nguyễn Quốc G sử dụng làm phương tiện phạm tội trong vụ án. Hiện cơ quan điều tra không thu hồi được 02 xe mô tô này nên HĐXX không có cơ sở xử lý.

[9] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc N (tên gọi khác Nguyễn Quốc M) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc N 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 30/5/2022.

2. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS bị cáo Nguyễn Quốc N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 05/11/2022 bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSQSKV52 QK5;
- VKSQS QK5;
- CQ ĐTHS KV BĐ15;
- CQ THAHS QĐ3;
- TTGQĐ3;
- Phòng THAQK5 ;
- Lưu: HSVA, HSTHA. V15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

4/ Võ Hồng Ánh Vân

